

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 28 – 5 – 2019
V/v Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hai

2. Bà Nguyễn Thanh Thảo

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Kim Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 29/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị T, sinh năm 19XX

Địa chỉ: Số M, ấp L, xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh H, sinh năm 19YY

Địa chỉ: Số M, ấp L, xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị T trình bày:

- Về hôn nhân: Qua mai mối, giới thiệu của người thân, chị T và anh H tiến đến hôn nhân, tổ chức đám cưới vào năm 1991, nhưng đến ngày 30/10/2002 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Sau kết hôn sống bên nhà chồng, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, anh H thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn. Hơn nữa, trước đó chị T cũng không có tình cảm với anh H, nhưng do anh H: nhiều lần lên nhà

xin cưới chị T, chị T không đồng ý thì anh H đòi tự vẫn nên chị T mới kết hôn với anh H. Vì con còn nhỏ và cũng không muốn mẹ của mình buồn nên chị T đã cố gắng chịu đựng chung sống với anh H, hy vọng thời gian sẽ làm anh H sửa đổi. Nhưng càng ngày anh H càng tệ, anh H vẫn thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn từ sáng đến chiều. Mỗi lần nhậu thì kiếm chuyện chửi mắng, đánh đập chị T. Chị T có báo công an đến giải quyết nhiều lần nhưng không lập biên bản. Cách nay khoảng 01 tuần, anh H kiếm chuyện đánh chị T, cầm dao đòi đâm chị T, nhưng con trai chị T ngăn cản và báo công an, công an có đến nhưng cũng không lập biên bản. Anh H cho rằng, làm chồng thì có quyền đánh đập vợ. Hai năm nay, mặc dù sống chung nhà, nhưng vợ chồng đã sống ly thân về tình cảm, không còn ngủ chung, không sinh hoạt vợ chồng. Từ những lý do trên, chị T nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh H, bản thân chị T từ trước đến nay sống với anh H cũng vì các con, vì gia đình (cha mẹ) chứ cũng không có tình cảm gì với anh H. Do đó chị T yêu cầu được ly hôn anh H.

Đối với việc anh H cho rằng chị T vì buồn bực chuyện mẹ già, anh H không làm ra tiền phụ chị T, nghi ngờ chị T có tình cảm với người đàn ông khác nên mới ly hôn anh H là không đúng sự thật.

- Về nuôi con chung: Có 02 con tên C, sinh ngày 22/10/1995, đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết và P, sinh ngày 26/11/2012 (hiện đang sống với chị T, anh H). Khi ly hôn chị T yêu cầu nuôi cháu P, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh H và chị T quen biết khoảng 03 năm thì tổ chức đám cưới vào năm 1991, có đăng ký kết hôn. Sau đám cưới sống tại nhà chồng. Quá trình chung sống hạnh phúc, mặc dù trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng vẫn có cự cãi qua lại nhưng không lớn. Anh H nghĩ nguyên nhân chị T ly hôn anh H là do anh H bị tai nạn giao thông khoảng 03 tháng nay, nên không đi kiếm tiền phụ giúp chị T lo cho gia đình. Hơn nữa, trong gia đình có mẹ già (mẹ ruột của anh H) đã lớn tuổi, thường hay nói này nói kia, nên chị T cũng khó chịu. Ngoài ra, anh H nghi ngờ chị T có quan hệ tình cảm với người tên V, vì người này thường xuyên lại nhậu với con trai anh H. Anh H chỉ nghi ngờ thôi chứ không có chứng cứ chứng minh.

Bản thân anh H, thừa nhận cũng hay nhậu, tuần nhậu khoảng 02 – 3 ngày, vì anh H là con út trong gia đình, nên thường xuyên có bạn bè, bà con lui tới thăm nhà. Ngoài ra, cách nay khoảng 3 – 4 năm về trước, vợ chồng cự cãi nên anh H: cũng có đánh chị T vài bạt tai. Thời gian gần đây thì không còn đánh nữa. Mặc dù còn sống chung nhà nhưng 02 năm nay vợ chồng đã sống ly thân về tình cảm, không còn ngủ chung, không sinh hoạt vợ chồng. Khoảng 03 tháng trở lại đây, vợ chồng cũng không còn nói chuyện với nhau vì mỗi lần nói chuyện thì lại cự cãi. Nay anh H xác định vẫn còn thương chị T, anh H mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng chung sống lo cho con. Do đó, anh H không đồng ý ly hôn chị T.

- Về nuôi con chung: Có 02 con tên C, sinh ngày 22/10/1995, đã thành niên nên không yêu cầu và P, sinh ngày 26/11/2012 (hiện đang sống chung với chị T, anh H). Trường hợp ly hôn, anh H yêu cầu nuôi cháu P, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*** Ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh H đã thực sự trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân về mặt tình cảm hơn 02 năm nay, không còn quan tâm lo lắng cho nhau. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Về con chung: Cháu P chưa đủ bảy tuổi nên cần có sự chăm sóc của mẹ, chị T có nghề may tại nhà, thu nhập ổn định. Vì vậy để đảm bảo cho sự phát triển mọi mặt của cháu P, nên chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu P cho chị T được nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy trường hợp vắng mặt của bị đơn không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét thấy chị T và anh H chung sống vợ chồng từ năm 1991, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/10/2002 tại UBND xã Đ. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, do cuộc hôn nhân giữa chị T và anh H không xuất phát từ tình yêu của hai phía, chị T không có tình cảm với anh H nên khi về chung sống không có hạnh phúc. Ngoài ra, anh H cũng thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn, mỗi khi say thì không được tỉnh táo, không kiểm soát được hành vi, lời nói của bản thân, kiếm chuyện gây gổ vô cớ với chị T làm cho gia đình càng thêm bất hòa. Chị T cũng đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh H vẫn vậy, không sửa đổi. Bao nhiêu năm nay chỉ vì các con và sợ mẹ ruột buồn nên chị T đã chịu đựng chung sống với anh H. Hơn nữa thời gian sau này, anh H còn nghi ngờ ghen tuông vợ có, cho rằng chị T có tình cảm với người khác, làm cho tình cảm vợ chồng, gia đình càng thêm rạn nứt. Mặc dù sống chung nhà, nhưng anh H cũng thừa nhận hai năm nay vợ chồng không còn ngủ chung, đã sống ly thân về mặt tình cảm. Khoảng ba tháng nay vợ chồng cũng không ai nói chuyện với ai.

Nay chị T xác định tình cảm không còn, hôn nhân không có hạnh phúc. Chị yêu cầu được ly hôn anh H. Về phía anh H thừa nhận, do là con út trong gia đình,

nhà thường xuyên có khách tới lui nên anh cũng thường xuyên nhậu. Nhưng về tình cảm anh vẫn còn thương chị T, anh không muốn ly hôn. Anh H mong muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ chung sống lo cho con.

Tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.”

Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Tám và anh Hiền đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù sống chung nhà, nhưng hai năm nay, vợ chồng đã sống ly thân. Thời gian gần đây vợ chồng cũng không còn nói chuyện với nhau. Nếu chị T và anh H tiếp tục sống chung thì cũng không có hạnh phúc. Do đó, chị T yêu cầu ly hôn anh H là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh H đều có nguyện vọng được nuôi cháu P sau ly hôn. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi thì cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên.

Tại Khoản 1, 2 Điều 81. Luật Hôn nhân và gia đình quy định

1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, ...

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Tại Khoản 3 Điều 82. Luật Hôn nhân và gia đình quy định

“3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện chị T có nghề nghiệp, làm thợ may tại nhà, thu nhập cũng tương đối ổn định, bình quân khoảng 100.000đ - 150.000đ/ngày. Còn anh H, hiện tại chưa có việc làm, bản thân lại hay uống rượu. Mặt khác, cháu P là con gái, mới hơn sáu tuổi nên sống với mẹ sẽ thuận tiện hơn trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Vì vậy, việc chị T yêu cầu nuôi cháu P là có căn cứ chấp nhận. Chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu P sau ly hôn. Anh H có quyền đến thăm con, không ai được quyền cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với con chung C, sinh năm 1995, đã thành niên, có công việc và thu nhập ổn định nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật

Đối với ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 55, 58, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị T. Cho ly hôn giữa chị T và anh H.

2. Về nuôi con chung:

- Chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên P, sinh ngày 26/11/2012 (hiện đang sống chung với chị T, anh H).

- Anh H có trách nhiệm giao con tên P cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng sau ly hôn.

- Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Anh H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị T nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T đã nộp ngày 21/02/2019 theo biên lai thu số 0003656 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Sa Đéc được khấu trừ vào án phí phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự (02 bản);
- Tòa án Tỉnh Đồng Tháp (01 bản)
- Viện Kiểm sát nhân dân TP. Sa Đéc (02 bản);
- Chi cục Thi hành án Dân sự TP. Sa Đéc (01 bản)
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (04 bản);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thủy